

c) Mức giảm giá vé đối với thương binh quy định ở các mục a, b trên đây đều được áp dụng đối với dân quân du kích, thanh niên xung phong, quân nhân dự bị và dân quân tự vệ bị thương vì chiến đấu với địch, theo các hạng thương tật tương đương với thương binh.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ƯU TIÊN MUA VÉ

Thương binh, dân quân du kích, thanh niên xung phong, quân nhân dự bị và dân quân tự vệ nói ở mục I của thông tư này dù đi công tác hay đi việc riêng đều được ưu tiên mua vé.

Gia đình liệt sĩ gồm vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ, bố mẹ đẻ của liệt sĩ hoặc người có công nuôi dưỡng liệt sĩ từ khi còn nhỏ được hưởng quyền lợi của gia đình liệt sĩ, có giấy chứng nhận do Bộ Nội vụ hoặc do Ủy ban hành chính khu, thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh cấp đều được ưu tiên mua vé.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ THỦ TỤC BÁN VÉ

a) Tại mỗi bến hay trạm bán vé ô tô phải yết thị bảng « Xếp hạng thương tật của thương binh » và thông tư này.

b) Thương binh và gia đình liệt sĩ mỗi lần đi xe ô tô phải xuất trình với người bán vé hoặc người kiểm soát vé giấy chứng nhận thương binh và gia đình liệt sĩ đề người bán vé hoặc người kiểm soát vé có căn cứ làm vé giảm giá tiền hoặc ưu tiên bán vé. Khi bán vé cũng như khi kiểm soát vé, nếu cần thiết người bán vé và người kiểm soát vé có thể yêu cầu thương binh hoặc gia đình liệt sĩ xuất trình chứng minh thư hoặc giấy thông hành.

c) Thương binh và gia đình liệt sĩ tuyệt đối không được cho mượn giấy chứng nhận. Nếu có kẻ lợi dụng danh nghĩa thương binh hay gia đình liệt sĩ để mua vé đi xe ô tô, thì người bán vé hoặc kiểm soát vé được quyền thu giấy chứng nhận thương binh hay giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ giao về cơ quan quản lý thương binh xử lý. Kẻ lợi dụng giấy tờ thương binh hoặc gia đình liệt sĩ, tùy theo lỗi nhẹ nặng, sẽ bị xử lý về hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật.

d) Phương tiện dùng để đi lại của thương binh được giảm tiền cước quy định ở điểm a mục I của thông tư này đều phải có giấy đăng ký hoặc giấy chứng nhận của chính quyền địa phương hay cơ quan nơi thương binh làm việc.

e) Vì khả năng phục vụ của mỗi xe có hạn nên mỗi chuyến xe được bán một số vé giảm giá là 10% của tổng số chỗ ngồi cho đối tượng được giảm giá vé nói ở mục I của thông tư này. Nếu có

nhều thương binh cùng yêu cầu đi xe thì người đến trước được mua vé trước, người đến sau mua vé sau. Trường hợp số vé giảm giá quy định cho mỗi chuyến xe đã bán hết, nếu có thương binh yêu cầu được đi chuyến xe đó thì chỉ được ưu tiên mua vé mà không được giảm giá;

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- a) Chế độ này thi hành bắt đầu từ ngày ký;
- b) Ông Cục trưởng Cục vận tải đường bộ, các ông Giám đốc sở giao thông vận tải thành phố, các ông Trưởng ty giao thông vận tải tỉnh, các ông Giám đốc xí nghiệp vận tải quốc doanh và công tư hợp doanh ô tô trung ương và địa phương chịu trách nhiệm thi hành thông tư này.
- c) Các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh có trách nhiệm phổ biến giải thích cho anh em thương binh, gia đình liệt sĩ và đơn đốc, kiểm tra các cán bộ, công nhân, viên chức ngành giao thông vận tải chấp hành đầy đủ thông tư này.

Hà-nội, ngày 12 tháng 7 năm 1966

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thủ trưởng

NGUYỄN HỮU MAI

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 08-LĐ/TT ngày 16-6-1966 giải thích và hướng dẫn thi hành Điều lệ tạm thời về huy động và sử dụng dân công thời chiến.

Ngày 26-4-1966 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Điều lệ tạm thời về huy động và sử dụng dân công thời chiến. Để các cấp, các ngành thi hành được thống nhất, Bộ Lao động giải thích thêm tinh thần bản điều lệ và một số điểm quy định cụ thể trong điều lệ; hướng dẫn việc tổ chức phổ biến điều lệ và tiến hành một số việc cần thiết trước mắt để thực hiện tốt điều lệ dân công thời chiến.

I. Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH

Trước đây, nhân dân ta trong cả nước đã nêu cao tinh thần cách mạng, hăng hái đi làm nghĩa vụ dân công, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Hòa bình lập lại, nhân dân ta ở miền Bắc tiếp tục phát huy truyền thống đó, đã đóng góp nhiều công sức theo chế độ dân công

thời bình, góp phần đầy mạnh phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, cải thiện đời sống.

Ngày nay, đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam và mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng không quân ra miền Bắc, đặt cả nước ta trong tình trạng chiến tranh. Nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân ta là chống Mỹ cứu nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta ở miền Bắc là phải vừa sản xuất, vừa chiến đấu.

Chính phủ ban hành điều lệ dân công thời chiến là nhằm mục đích: động viên thêm công sức của nhân dân vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, bảo đảm giao thông vận tải, tăng cường củng cố quốc phòng trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước hiện nay. Chính sách dân công thời chiến là một trong những biểu hiện cụ thể của đường lối dựa vào nhân dân để đánh giặc và kiến thiết đất nước. Vì vậy nó có ý nghĩa chính trị, kinh tế và quốc phòng to lớn.

Với chính sách dân công thời chiến, nhân dân ta ở miền Bắc ngoài nhiệm vụ sản xuất, công tác thường xuyên của mỗi người, sẽ đóng góp thêm mỗi năm hàng trăm triệu ngày công nghĩa vụ, góp phần thỏa mãn nhu cầu sức lao động tăng lên rất lớn cho các nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu.

Việc giáo dục cho cán bộ, nhân dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa của điều lệ dân công thời chiến là rất quan trọng để mọi người tự nguyện tự giác chấp hành chính sách, tự nguyện đóng góp công sức nhiều nhất theo khả năng của mình không suy tính thiệt hơn, tích cực góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

II. NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA ĐIỀU LỆ DÂN CÔNG THỜI CHIẾN

Để bảo đảm nắm vững và chấp hành tốt các quy định cụ thể của điều lệ dân công thời chiến, trước hết phải quán triệt và nắm vững những nguyên tắc cơ bản của điều lệ. Có 5 nguyên tắc cơ bản và tinh thần những nguyên tắc đó như sau:

Nghĩa vụ dân công là nghĩa vụ của mỗi công dân, đồng thời là nghĩa vụ tập thể của mỗi đơn vị (hợp tác xã, xí nghiệp, công trường, cơ quan, trường học v.v...)

Nguyên tắc này rất quan trọng. Nhiều quy định cụ thể trong bản điều lệ là xuất phát từ nguyên tắc cơ bản này.

Ngày nay, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể đã được hình thành và ngày càng được củng cố, sức lao động của nhân dân là do tập thể hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan quản lý và sử dụng.

Ngày nay, dựa vào dân thì trước hết cũng là dựa vào các tổ chức lao động tập thể của nhân dân. Muốn thực hiện được tốt nghĩa vụ dân công cũng phải thông qua các hợp tác xã, xí nghiệp, công trường, cơ quan, trường học... mà động viên giáo dục nhân dân, tổ chức nhân dân làm nghĩa vụ. Hơn nữa ngày nay những đơn vị tổ chức lao động tập thể đó mới có khả năng thiết thực giúp đỡ nhân dân khắc phục khó khăn về các mặt như lương thực, thực phẩm, dụng cụ làm việc, nhất là công cụ cải tiến, giúp đỡ săn sóc gia đình con cái, thực hiện sự phân công hợp lý, tổ chức các đội chuyên đi làm nghĩa vụ dân công, thực hiện ăn chia hợp lý giữa người đi làm nghĩa vụ dân công và người ở nhà sản xuất, v.v...

Nguyên tắc này cũng tạo điều kiện cho hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan... quản lý chặt chẽ sức lao động của đơn vị mình và tổ chức sử dụng sức lao động đó một cách hợp lý nhất, có hiệu suất cao nhất.

Để quán triệt nguyên tắc này, còn phải nhân mạnh nghĩa vụ của mỗi công dân, vì mỗi công dân có làm đầy đủ nghĩa vụ đối với tập thể và đối với Nhà nước thì mỗi tập thể mới làm được đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Tất cả công dân Việt-nam đều có nghĩa vụ dân công thời chiến, nhưng tùy theo tính chất và điều kiện sản xuất hoặc công tác khác nhau của mỗi đối tượng mà mức độ huy động và cách sử dụng số ngày công đó có khác nhau.

Nguyên tắc này là nhằm thực hiện quyền bình đẳng của các công dân trong việc thi hành nghĩa vụ dân công thời chiến, tuy nhiên thực hiện quyền bình đẳng đó không phải theo chủ nghĩa bình quân mà phải căn cứ đầy đủ vào tình hình thực tế, vào khả năng huy động số ngày công nghĩa vụ của mỗi đối tượng để quy định mức động viên cho phù hợp, hơn nữa để có cách sử dụng cho đúng số ngày công nghĩa vụ động viên, không để lãng phí sức dân và thiệt hại cho Nhà nước.

Căn cứ tính chất, đặc điểm các loại sản xuất, công tác khác nhau, bản điều lệ quy định đại thể có 3 đối tượng mà mức độ động viên cũng như cách sử dụng số ngày công nghĩa vụ có khác nhau (các điều 3 và 4).

Những quy định cụ thể đó trong điều lệ chính là xuất phát từ nguyên tắc nói trên. Nếu quán

triệt nguyên tắc thì không nảy sinh thắc mắc về các quy định cụ thể. Ngược lại tinh thần nguyên tắc chưa được quán triệt thì không tránh khỏi suy bì, so sánh một cách chủ quan.

Tính chất điều kiện sản xuất và công tác của các đối tượng nói trên khác nhau như thế nào?

Nhân dân nông thôn : tuyệt đại bộ phận sản xuất nông nghiệp hoặc có quan hệ nhiều với nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, ngày công lao động của nông dân chưa được sử dụng hết vào sản xuất nông nghiệp (theo điều tra thống kê tháng 8 năm 1965 cũng như các cuộc điều tra thống kê cụ thể khác của Ban Nông nghiệp trung ương, của Ủy ban hành chính các tỉnh. Sản xuất nông nghiệp mang tính chất thời vụ lớn, ngày mùa khẩn trương, ngày thường ít việc... Đại bộ phận các công việc đang làm là lao động đơn giản có thể tổ chức thay nhau đi làm nghĩa vụ. Lao động nông thôn hiện nay gần hết đã được tổ chức lại trong các hợp tác xã, và mỗi hợp tác xã đã có đội thủy lợi chuyên trách thực hiện nghĩa vụ dân công... Tính chất đặc điểm nói trên của lao động nông nghiệp cho phép thực hiện mức động viên 30 ngày/năm và có thể đưa đi làm nghĩa vụ ở những nơi xa từng đợt dài ngày...

Nhân dân thành thị : một số khá đông đã được tổ chức lại trong các hợp tác xã thương nghiệp, tiểu công nghiệp hoặc thủ công nghiệp, tập đoàn vận tải, v.v... Tuy nhiên, rất nhiều tổ chức hợp tác xã làm gia công của các xí nghiệp và cơ quan Nhà nước, hoặc làm những công việc như phục vụ sinh hoạt cho thành phố, thị xã, đời sống của bản thân người lao động và gia đình họ dựa vào tiền công hàng ngày, khác với nông dân dựa vào thu nhập theo thời vụ. Riêng học sinh, sinh viên phải bảo đảm chương trình và chất lượng học tập. Do tính chất, điều kiện sản xuất, công tác như trên, nhân dân thành thị không có hoàn cảnh đi phục vụ xa, dài ngày và mức động viên ngày công nghĩa vụ cũng quy định ít hơn nhân dân nông thôn (15 ngày).

Đối với công nhân, viên chức Nhà nước thì tính chất, điều kiện sản xuất, công tác lại khác ; mỗi người được phân công đảm nhiệm những công việc nhất định. Nhiều công việc làm của công nhân, viên chức Nhà nước có tính chất khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ ; yêu cầu phải làm việc thường xuyên, liên tục với năng suất lao động cao. Nên hàng năm chỉ có thể động viên công nhân, viên chức đi làm nghĩa vụ dân công vào một số ngày nghỉ và sử dụng làm công việc ở gần, phù hợp với khả năng, điều kiện công tác, sản xuất của mỗi người, mỗi đơn vị,

cơ quan, xí nghiệp, công trường... Ngoài ra ở những nơi, những lúc cần thiết, nhất là trong những vùng mà cuộc chiến tranh phá hoại xảy ra ác liệt, thường xuyên công nhân, viên chức thường phải làm việc theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, không kể giờ giấc, ngày nghỉ.

Do phân tích như trên, Chính phủ quyết định mức độ huy động và cách sử dụng ngày công nghĩa vụ dân công của ba đối tượng có khác nhau. Quy định như vậy chính là để bảo đảm lợi ích chung, để phù hợp với khả năng động viên thực tế, không phải là để chiều cố đối tượng này hay đối tượng khác ; mức độ động viên số ngày công nghĩa vụ quy định trong điều lệ cũng không cố định, mà còn tùy thuộc vào yêu cầu phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế trong từng giai đoạn ; khi cần thiết động viên quá số ngày quy định, thì sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Các nguyên tắc thứ 3 và thứ 4 của điều lệ nói lên trách nhiệm của các cơ quan phụ trách việc huy động và sử dụng ngày công nghĩa vụ do nhân dân đóng góp. Hội đồng Chính phủ đặc biệt quan tâm và nhấn mạnh huy động và sử dụng dân công phải có kế hoạch, phải tính toán, cân nhắc kỹ, hết sức tiết kiệm sức dân ; bảo đảm thỏa mãn nhu cầu nhân lực phục vụ kịp thời cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đồng thời bảo đảm nhiệm vụ sản xuất, công tác, học tập của hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học ; trong sử dụng, phải tổ chức lao động hợp lý, hết sức coi trọng việc cải tiến công cụ lao động để dân công làm việc đạt năng suất cao nhất ; phải đặc biệt quan tâm bảo vệ sức khỏe an toàn lao động và tổ chức tốt đời sống tập thể cho dân công.

Vấn đề này được Hội đồng Chính phủ nhấn mạnh và đặt thành những nguyên tắc quan trọng của điều lệ là vì qua thực hiện điều lệ dân công thời bình, bên cạnh những cố gắng và thành tích, việc huy động và sử dụng dân công làm chưa tốt, phạm nhiều khuyết điểm cũng khá phổ biến như tuyên truyền, phổ biến chính sách cho cán bộ và nhân dân không chu đáo, cán bộ chuyên trách yếu, thiếu, nhiều nơi không có ; huy động sử dụng dân công tùy tiện, không có kế hoạch, thiếu chuẩn bị các mặt cần thiết ; sử dụng dân công theo lối khoán trắng, v.v. Do khuyết điểm trong việc huy động, sử dụng ngày công nghĩa vụ đã gây nên lãng phí sức lực của nhân dân, nhiều nơi lãng phí nghiêm trọng.

Chuyển sang thời chiến, yêu cầu huy động dân công cho các nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, nhiều lúc khẩn trương và nói chung rất lớn. Dựa vào các nguyên tắc này, các cấp, các

ngành có trách nhiệm huy động và sử dụng dân công, cần liên hệ, kiểm điểm, đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm, đề thực hiện điều lệ dân công thời chiến được tốt.

Cuối cùng nguyên tắc thứ 5 nói lên trách nhiệm của mỗi công dân, của mỗi tập thể là phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh khắc phục khó khăn, tự lo liệu các điều kiện, phương tiện làm việc và sinh hoạt để giảm bớt một phần chi phí cho Nhà nước. Cụ thể là người đi làm nghĩa vụ dân công được tập thể tổ chức, giúp đỡ, phải mang theo dụng cụ làm việc, kê cả dụng cụ cải tiến, lương thực, thực phẩm theo tiêu chuẩn đã được Nhà nước bán hoặc hợp tác xã phân phối để ăn trong thời gian phục vụ. Mặt khác, Nhà nước phải hết sức giúp đỡ để mỗi công dân và tập thể hoàn thành nhanh, tốt nghĩa vụ như cơ quan sử dụng thì chăm lo cung cấp thêm dụng cụ, chủ yếu là công cụ cải tiến, hướng dẫn tổ chức lao động hợp lý để dân công làm việc đạt năng suất lao động cao; dân công đi phục vụ dài ngày hoặc xa nhà phải ăn, ở tại nơi phục vụ, hoặc đi phục vụ ngắn ngày, gần nhà nhưng ở những vùng bị mất mùa nặng, ở nơi thường bị huy động ngắn ngày luôn, đời sống có khó khăn thì được Nhà nước xét trợ cấp tiền và bán thêm lương thực, thực phẩm theo giá cung cấp tại chỗ, dân công được cơ quan y tế, cơ quan sử dụng tổ chức, hướng dẫn phòng bệnh, chữa bệnh, đề phòng tai nạn, tổ chức ăn, ở, bảo vệ sức khỏe chu đáo, v.v..

Dưới đây Bộ Lao động giải thích thêm một số điểm cụ thể quy định trong điều lệ (có tính chất chung); còn những vấn đề thuộc về chế độ quyền lợi của người dân công, do một thông tư Liên bộ Lao động — Tài chính — Y tế quy định chi tiết.

III. GIẢI THÍCH MỘT SỐ ĐIỂM VỀ CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 1. — Quy định đối tượng, độ tuổi công dân có nghĩa vụ dân công thời chiến, Bộ nói rõ thêm:

Trong điều lệ quy định rõ những công dân, nam từ 18 đến 50, nữ từ 18 đến 45 tuổi, mới có nghĩa vụ dân công thời chiến, là xét tính chất, công việc sử dụng ngày công nghĩa vụ, cần những người có sức khỏe tương đối mới làm được. Tuy nhiên, những công dân ngoài độ tuổi quy định có nghĩa vụ dân công nói trong

điều lệ, mà có đủ sức khỏe, tự nguyện tham gia vẫn được làm nghĩa vụ dân công thời chiến và các chính sách thi hành đối với họ cũng như đối với người trong độ tuổi đi làm nghĩa vụ.

Lực lượng vũ trang tại ngũ nói trong điều lệ là bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương (tỉnh, huyện) và công an nhân dân vũ trang. Nghĩa vụ thường xuyên của lực lượng vũ trang tại ngũ trong thời chiến là luyện tập và chiến đấu. Ở những nơi, những lúc có điều kiện, anh em cần tham gia lao động xây dựng các công trình quốc phòng, chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu, hoặc tham gia xây dựng ở địa phương nơi đóng quân, giúp dân sản xuất.

Đối với thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung hưởng theo chế độ cung cấp, thì không động viên đi làm nghĩa vụ dân công thời chiến, vì nhiệm vụ thường xuyên của thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung là « làm bất cứ việc gì, khó khăn, nguy hiểm; đi bất cứ nơi nào Nhà nước cần điều động đi ». Ở những nơi, những lúc cần động viên anh chị em làm thêm giờ, thêm ngày, thì có thể động viên và vẫn coi là nhiệm vụ của thanh niên xung phong.

Điều 2. — Quy định miễn và tạm miễn nghĩa vụ dân công thời chiến cho một số người: Cần nắm vững:

a) Mục đích miễn và tạm miễn nghĩa vụ cho một số người là để chiếu cố một số người cần được chiếu cố theo chính sách chung của Đảng và Nhà nước, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, chiếu cố đời sống của những gia đình gặp khó khăn và bảo đảm sự lãnh đạo ở từng địa phương, cơ quan, xí nghiệp, trường học...; mà xét người lãnh đạo không thể vắng mặt được.

b) Đóng góp ngày công dân công là nghĩa vụ của tất cả mọi công dân đối với Tổ quốc. Không thể lấy việc miễn, tạm miễn nghĩa vụ dân công để thay thế cho chính sách đãi ngộ những người có công lao nào đó.

Có năm vãng hai vấn đề có tính chất nguyên tắc trên thì việc vận dụng vào cụ thể ở mỗi địa phương; mỗi cơ sở mới đúng đắn và sát với thực tế. Sau đây Bộ nói rõ thêm một số điểm chi tiết:

— Miễn khác với tạm miễn, người được miễn nghĩa vụ thì hàng năm không phải đóng góp ngày công dân công. Người được tạm miễn, thì chỉ được miễn đóng góp ngày công dân công trong thời gian nhất định, hết hạn tạm miễn phải đóng góp như những người khác. Ví dụ: trong năm 1966 chị Nguyễn thị A xã viên hợp

tác xã nông nghiệp được tạm miễn nghĩa vụ dân công 6 tháng đầu năm, thì chị A còn đóng góp ngày công dân công của 6 tháng cuối năm (15 ngày).

— Thương binh là những người đã tham gia quân đội nhân dân Việt-nam, công an nhân dân vũ trang bị thương tật có giấy chứng nhận là thương binh.

Đối với dân quân du kích, thanh niên xung phong tập trung, dân quân tự vệ, quân nhân dự bị bị thương tật do chiến đấu với địch trong thời kỳ kháng chiến cũ và từ khi hòa bình lập lại đã được xác định trợ cấp thương tật hàng tháng; công nhân, viên chức Nhà nước (kể cả công nhân viên quốc phòng) bị thương tật do trực tiếp tham gia chiến đấu hoặc dưng cảm phục vụ chiến đấu, sản xuất trong khi địch bắn phá như chiến đấu chống địch đề bảo vệ nhà máy, kho tàng, cầu đường, phương tiện vận tải; dưng cảm làm công tác tải thương, công tác thông tin liên lạc; vượt mọi khó khăn nguy hiểm, kiên quyết làm nhiệm vụ khi phục vụ tiền tuyến; không rời vị trí sản xuất, công tác đã được tổ chức phân công, đề bảo đảm đến cùng công việc được giao phó; dưng cảm thay thế đồng đội làm nhiệm vụ khi đồng đội bị hy sinh; dưng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân... khi địch đang bắn phá, hoặc đương cơn nguy hiểm đã được xác định trợ cấp thương tật hàng tháng thì cũng được miễn nghĩa vụ dân công thời chiến.

— Người tàn tật hoặc có bệnh kinh niên không thể làm được việc nặng là những người mù, câm, điếc, bán thân bất toại, què cụt cả bàn chân hoặc bàn tay và những người có bệnh lao, đau dạ dày, động kinh... có giấy chứng nhận của y bác sĩ hoặc do nhân dân nhận xét hay căn cứ vào thực tế không làm được việc nặng thì được miễn nghĩa vụ dân công.

— Người đi khai hoang mang theo cả gia đình đến nơi ở mới được tạm miễn nghĩa vụ dân công 1 năm, bao gồm cả người đi khai hoang trong huyện, trong tỉnh và ngoài tỉnh.

— Người lao động chính duy nhất phải nuôi cả gia đình đông người gồm người già hoặc trẻ em hoặc người tàn tật, mất sức lao động, phải là người trong gia đình có từ 3 người (kể cả người lao động chính) trở lên; mà chỉ có một mình là lao động chính, không có lao động phụ, không có người đi làm việc ở nơi khác có góp phần nuôi sống gia đình, đời sống hàng ngày có nhiều khó khăn thì được tạm miễn dân công. Những gia đình có người đi làm nghĩa vụ quân sự, thanh niên xung phong tập trung, đi học nghề mà sinh hoạt phí hoặc tiền lương chỉ bảo đảm sinh hoạt cho bản thân, thì không tính là có

người đi làm việc nơi khác có góp phần nuôi sống gia đình, nhưng cũng không tính vào nhân khẩu trong gia đình mà người lao động chính phải nuôi. Trong khi xét người lao động chính duy nhất đề tạm miễn nghĩa vụ dân công, cần chiếu cố đến những gia đình đang nuôi dưỡng thương binh hạng 1, hạng đặc biệt cũ, hạng 6, 7, 8 mới và gia đình có người đang tại ngũ.

— Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức... Quy định tạm miễn đối với một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức là do yêu cầu công tác, những cán bộ lãnh đạo đó phải thường xuyên có mặt để giải quyết công việc, phải thường xuyên phụ trách đối với ngành, xí nghiệp, công trường, cơ quan, bệnh viện, trường học vv... chứ không phải vì chức danh của các cán bộ đó. Cần hiểu và vận dụng quy định này một cách phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi ngành, mỗi xí nghiệp, công trường, cơ quan... tránh đi đến tạm miễn tràn lan mà cũng tránh máy móc cứng nhắc không lợi cho công tác chung.

Những người trong diện được miễn, tạm miễn, có thể được động viên đi làm trong những trường hợp công việc cấp bách ở gần, gần ngày (một, hai ngày) hoặc trường hợp động viên cả đơn vị đó đi làm nghĩa vụ dân công theo nghề nghiệp chuyên môn mà xét không thể thiếu người đó trong dây chuyền sản xuất hay trong quản hệ công tác.

Xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp và nhân dân ở nội thành, nội thị đi sơ tán, không đặt vào diện tạm miễn nghĩa vụ dân công; nhưng khi huy động cần có chiếu cố thời kỳ đầu (từ 3 đến 6 tháng) đến nơi ở mới, đề ổn định sản xuất, đời sống cho nhân dân. Số ngày công nghĩa vụ, người đi sơ tán vẫn đóng góp như khi còn ở thành thị (một năm 15 ngày); trừ những người di chuyển hộ khẩu hẳn đến nơi ở mới thì làm nghĩa vụ như nhân dân nơi đó.

Điều 4. — Về việc sử dụng hợp lý ngày công nghĩa vụ..., Bộ giải thích thêm:

— Nói chung công nhân, viên chức Nhà nước (kể cả người làm theo chế độ hợp đồng từ 2 tháng trở lên) được huy động đi làm những công việc dùng lao động giản đơn như vận chuyển bằng gánh, vác, đào, đắp đất... trừ những người làm công việc đòi hỏi chuyên môn mà xét thấy cần thiết thì có thể huy động làm theo nghề, nghiệp đó. Ví dụ: huy động y bác sĩ đi khám chữa bệnh cho nhân dân; các đoàn, đội ca, múa, nhạc, kịch, cải lương, tuồng chèo, xiếc đi biểu diễn phục vụ trong những ngày lễ, ngày tết, trên công trường không thu tiền hoặc có bán vé thu tiền; huy động công nhân trong xí nghiệp, công trường, công nhân trong ngành giao thông vận tải thủy, bộ, đường sắt... phục

vụ sản xuất công tác tại chỗ, đề bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất công tác và giảm bớt việc tuyển thêm người mới...

Khi huy động những người có nghề làm theo nghề nghiệp của họ mà kết quả việc làm ra được có giá trị bằng tiền (đội ca múa biểu diễn có bán vé; công nhân sản xuất có tiền công...) thì phải nộp vào ngân sách địa phương, theo thông tư số 6-TC/TDT ngày 12-2-1965 của Bộ Tài chính.

— Đối với học sinh, sinh viên có thể bố trí chương trình học tập hợp lý, đề tổ chức đi làm một, hai đợt cho xong 15 ngày công nghĩa vụ dân công cả năm, cũng có thể tổ chức đi làm vào những ngày nghỉ học.

— Đối với nhân dân thành thị chỉ động viên mỗi đợt một, hai ngày làm trong địa phương có thể sáng đi làm tối về gia đình, riêng các xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp ở thành phố, thị xã (nơi có điều kiện bố trí lao động) cần tổ chức đội dân công để đi làm nghĩa vụ tập thể cho những người có nghĩa vụ trong hợp tác xã và tùy theo yêu cầu sản xuất của hợp tác xã có thể huy động các đội đó từng đợt dài ngày một cách phù hợp.

Điều 5. — Quy định những công việc được huy động dân công để làm, Bộ nói rõ thêm:

Số ngày công dân công do nhân dân đóng góp hàng năm có hạn, nên Nhà nước quy định chỉ được sử dụng làm một số công việc nhất định, phù hợp với ý nghĩa động viên nghĩa vụ đối với nhân dân. Sau đây Bộ nêu một số công việc cụ thể:

— Công việc phục vụ bộ đội chiến đấu bao gồm: đào đắp công sự, vận tải vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men, quân trang, quân dụng tiếp tế cho bộ đội, vận chuyển thương binh ở những nơi không có hoặc không sử dụng được phương tiện vận tải cơ giới.

— Xây dựng và tu sửa lớn các công trình quốc phòng gồm sân bay, quân cảng, đường giao thông quốc phòng, kho tàng và những công trình đặc biệt khác.

— Công việc phục vụ phòng không nhân dân: xây dựng, đào đắp hầm trú ẩn công cộng; thu dọn thành phố, thị xã sau khi bị địch bắn phá.

— Về giao thông bao gồm: xây dựng mới, mở rộng và tu sửa lớn các đường giao thông huyện, tỉnh, quốc lộ, đường vận xuất gỗ, đường sắt; khai vét lòng sông để tiện việc giao thông đường thủy.

— Về thủy lợi: xây dựng mới, tu sửa lớn đê điều (đê sông, đê biển, đê đồng muối, đê bao quanh thành phố, thị xã, khu công nghiệp, nông trường) và các công trình đại, trung thủy nông do Nhà nước đầu tư vốn.

Những công trình đê bồi, trung, tiêu thủy nông do nhân dân làm, Nhà nước giúp đỡ thì

chủ yếu động viên nhân dân được hưởng quyền lợi do công trình mang lại đi làm, không được tính trừ nghĩa vụ dân công; trường hợp nhân lực nơi đó không đủ để làm, thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét, nếu thật cần thiết, có thể ra lệnh huy động dân công nơi khác gần đó đến làm hỗ trợ một phần.

Những công trình thủy lợi dân tự làm không được tính trừ nghĩa vụ dân công.

— Các công việc xét thấy cần thiết phải huy động dân công để phục vụ kịp thời cho sản xuất, chiến đấu đột xuất do thiên tai, địch họa gây nên như: di chuyển kho tàng; xếp dỡ và vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, máy móc, thuốc men; làm nhà kho, bệnh xá, bệnh viện; làm nhà lán cho bộ đội, dân công ở làm đường dây bưu điện để bảo đảm thông tin liên lạc... nếu Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét thấy không tuyên được nhân công để làm, hoặc không có hay không sử dụng được phương tiện vận tải cơ giới thì được huy động dân công để làm.

Những công việc đột xuất, cấp bách cần phải làm xong trong một vài giờ, một vài buổi, có thể là một số ít ngày, thì Ủy ban hành chính các cấp xét và ra lệnh động viên tất cả những người có sức lao động đi làm, theo chế độ huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực ở địa phương mà Chính phủ đã ban hành. Những người có nghĩa vụ dân công được huy động đi làm theo chế độ khẩn cấp từ 2 ngày hoặc 2 đêm trở lên (nhân dân ở nông thôn); từ 1 ngày hay 1 đêm trở lên (nhân dân nội thành, nội thị), trọn 1 buổi (công nhân, viên chức) thì có thể được tính trừ vào ngày công nghĩa vụ hàng năm, nếu ở nơi đó chưa huy động hết.

— Ngoài ra ở các tỉnh miền núi nếu Ủy ban hành chính xét thấy cần thiết có thể ra lệnh huy động dân công (người địa phương) làm một số việc khác như công trình tiêu thủy lợi, đường giao thông liên xã được Nhà nước đầu tư vốn; phục vụ công tác khảo sát cầu đường, sông ngòi, đo đạc bản đồ; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà hộ sinh, chợ và nhà cửa của cơ quan từ huyện trở lên, trong trường hợp không tuyển được nhân công.

Điều 6. — Quy định dân công nhận khoán việc, do cơ quan sử dụng giao và ngày giờ làm việc của dân công, Bộ giải thích thêm:

a) Thực hiện chế độ làm khoán:

Chế độ làm việc của dân công chủ yếu là làm khoán. Đơn vị sử dụng giao cho dân công một khối lượng công việc với yêu cầu kỹ thuật nhất định theo định mức của Nhà nước; để dân công chủ động bố trí lao động, giờ giấc

làm việc hợp lý, tích cực cải tiến công cụ, cố gắng làm việc, nâng cao năng suất lao động; hoàn thành nhiệm vụ sớm, dân công có thể được về sớm mà vẫn được tính đủ ngày công nghĩa vụ và hưởng mọi quyền lợi Nhà nước đã quy định. Dân công hoàn thành nhiệm vụ về sớm còn có lợi cho sản xuất ở địa phương và giảm bớt chi phí gián tiếp trên công trường, trạm vận chuyển.

Định mức lao động là một yếu tố quan trọng trong việc giao nhận khoán, cơ quan sử dụng căn cứ vào các tiêu chuẩn định mức của Nhà nước cho mỗi loại công việc, kết hợp với điều kiện làm việc cụ thể của công trường, trạm vận chuyển để đề ra định mức giao khoán cho dân công được sát. Định mức phải được công bố khi giao khoán việc cho dân công; trong quá trình thực hiện, nếu định mức không đúng hoặc điều kiện lao động thay đổi, cơ quan sử dụng phải sửa đổi định mức kịp thời để tránh thiệt thòi cho dân công và tránh tốn phí nhiều cho Nhà nước. Ủy ban kiến thiết và cơ quan lao động địa phương giúp Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố kiểm tra việc đề ra và thực hiện định mức lao động Nhà nước đã quy định.

Khi giao nhận khoán, đơn vị dân công và cơ quan sử dụng phải ký giao kèo. Trong giao kèo cần ghi rõ số dân công, số người lao động trực tiếp, gián tiếp; thời gian làm nghĩa vụ; công việc giao khoán, khối lượng cần làm, định mức lao động; chất lượng phải bảo đảm; thời gian cần hoàn thành; quyền lợi dân công được hưởng theo chính sách Nhà nước quy định; trách nhiệm của dân công và trách nhiệm của cơ quan sử dụng.

Nếu đơn vị dân công không thực hiện công tác đúng yêu cầu và tiêu chuẩn đã định, mà phải làm thêm ngày để làm cho đủ hoặc làm lại, thì trách nhiệm chính thuộc về dân công, cơ quan sử dụng không tính công nghĩa vụ và trợ cấp (nếu có) những ngày làm thêm. Nếu công việc phải làm lại, làm thêm vì cơ quan sử dụng thay đổi kế hoạch, hướng dẫn sai kỹ thuật... thì những ngày dân công làm thêm được ghi công nghĩa vụ và trợ cấp (nếu có).

b) Ngày giờ làm việc :

Quy định ngày giờ làm việc để áp dụng trong trường hợp công việc không thể tính khối lượng một cách cụ thể được, dân công phải làm việc theo ngày; còn đối với dân công làm khoán thì chỉ dùng để tính ngày nghỉ, định mức lao động để giao khoán, không nhất thiết phải làm theo đúng ngày giờ quy định. Nhưng để bảo đảm sức khỏe cho dân công và sự lãnh đạo trên công trường, trạm vận chuyển, dân

công làm khoán nói chung cũng cần làm việc theo thì giờ cơ quan sử dụng hướng dẫn.

Do tình hình chiến tranh cần động viên dân công làm thêm giờ, để giảm bớt số người huy động đi phục vụ, hạn chế tăng ngày công động viên của mỗi đối tượng hàng năm; đồng thời để thống nhất việc thi hành điều lệ, nay áp dụng chế độ ngày nghỉ và giờ làm việc cho tất cả người đi làm nghĩa vụ (kể cả đội viên đội thủy lợi), theo quy định, dân công làm việc liên tục 9 ngày hay 7 đêm được nghỉ 1 ngày hay 1 đêm và làm việc 9 giờ 1 ngày, 8 giờ một đêm.

Điều 7. — Quy định dân công phải mang theo dụng cụ của cá nhân hoặc của tập thể, phải sắm và đem dụng cụ cải tiến, để làm việc... Bộ giải thích rõ thêm :

Có đầy đủ dụng cụ tốt, nhất là dụng cụ cải tiến là một yếu tố quan trọng để nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian phục vụ và giảm nhẹ khó nhọc cho dân công. Nên mỗi người đi làm nghĩa vụ phải chuẩn bị mang theo đầy đủ dụng cụ làm việc của mình như ky, sọt, quang gánh, mai, cuốc xẻng, kéo cắt đất... (theo yêu cầu của cơ quan sử dụng); các hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học phải xem xét và giúp đỡ, bảo đảm cho anh chị em thuộc cơ sở mình đi làm nghĩa vụ có dụng cụ thông thường và tốt. Các hợp tác xã nông nghiệp cần tích cực mua sắm công cụ cải tiến để sản xuất và cho xã viên mượn một phần khi đi làm nghĩa vụ dân công tập thể; những xí nghiệp công trường có công cụ thích hợp cần cho công nhân, viên chức mượn; các cơ quan hành chính, sự nghiệp và trường học... cho công nhân, viên chức và học sinh mượn những dụng cụ (phòng, chống bão lụt, phòng không nhân dân...) sẵn có, thích hợp để mang theo khi đi làm nghĩa vụ dân công.

Cơ quan sử dụng phải có những dụng cụ mà trong nhân dân không có hoặc không đủ và công cụ cải tiến thích hợp để cho dân công mượn làm việc. Những dụng cụ chóng hỏng như ky, sọt, quang gánh... dân công mang theo làm lúc đầu, nếu sau đó bị hỏng, thì cơ quan sử dụng phải tổ chức sửa chữa lại, hoặc cấp phát mới cho dân công làm việc. Bảo đảm cho dân công có đủ dụng cụ nhất là dụng cụ tốt để làm việc tăng năng suất lao động cao nhất.

Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố phải đặc biệt quan tâm đến việc giải quyết giữa các khâu: cá nhân và tập thể mang theo với cơ quan sử dụng phải mua sắm, đảm bảo đủ dụng cụ tốt, nhất là dụng cụ cải tiến cho dân công làm việc đạt năng suất lao động cao, trường hợp vì lý do nào đó không có dụng cụ làm việc thì

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

kiên quyết không huy động dân công; có ít dụng cụ thì huy động ít dân công, để tránh lãng phí sức lao động.

Điều 9. — Quy định một trong những nhiệm vụ của dân công là phải tôn trọng kỷ luật, phục tùng tổ chức lãnh đạo và tích cực tham gia ý kiến xây dựng với cơ quan sử dụng trong thời gian đi làm nghĩa vụ. Bộ nhấn mạnh thêm:

Cán bộ phụ trách và dân công phải nêu cao tinh thần làm chủ, tự giác chấp hành và nhắc nhở người khác chấp hành nội quy kỷ luật do cơ quan sử dụng đề ra; hăng hái thi đua lao động với tinh thần chống Mỹ cứu nước để hoàn thành nhanh, tốt nhiệm vụ; tích cực góp ý kiến với cơ quan sử dụng về tổ chức làm việc hợp lý; bảo đảm an toàn lao động, tổ chức cải thiện đời sống và bảo đảm sức khỏe cho dân công.

Về phía cơ quan sử dụng phải có trách nhiệm giúp đỡ và tạo điều kiện để dân công thực hiện tốt nhiệm vụ. Ví dụ: phải có nội quy làm việc, phòng không, bảo mật phòng gian, ăn, ở, đi lại rõ ràng, phổ biến kỹ và thường xuyên nhắc nhở dân công thực hiện; phát động thi đua và sơ kết, tổng kết; kịp thời khen thưởng những người, những đơn vị dân công có thành tích; triệu tập những hội nghị kiểm điểm công tác, thực hiện chế độ, chính sách, có mời đại biểu dân công tham gia và góp ý kiến; lắng nghe ý kiến phê bình và tích cực sửa chữa những thiếu sót, trên tinh thần phụ trách trước dân công, trước cấp trên.

Điều 16, 17 và 18 của điều lệ đã quy định rõ nhiệm vụ của Ủy ban hành chính các cấp cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, hợp tác xã, thôn (nơi chưa có hợp tác xã) và các ngành, các cơ quan sử dụng trong việc thực hiện điều lệ dân công, Bộ nói thêm:

— Hàng năm Ủy ban hành chính các cấp cần hướng dẫn cho các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, hợp tác xã, thôn..., lập sổ danh sách những người có nghĩa vụ dân công để nắm được khả năng ngày công nghĩa vụ chính xác, làm cơ sở cho việc phân bổ, huy động, có kế hoạch tổ chức đội ngũ dân công, điều hòa quyền lợi giữa người đi dân công với người có nghĩa vụ được phân công ở nhà sản xuất. Việc lập sổ những người có nghĩa vụ phải được thông qua quần chúng cơ sở sau khi đã hướng dẫn học tập chính sách, mới bảo đảm được công bằng và động viên được mọi người làm nghĩa vụ.

— Huy động dân công bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước đồng thời phải quan tâm đến bảo đảm sản xuất và công tác, học tập của

hợp tác xã, xí nghiệp, trường học. Vì vậy các ngành, các cơ quan, xí nghiệp, công trường lập kế hoạch yêu cầu sử dụng dân công, cũng như Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố xét duyệt kế hoạch và ra lệnh huy động dân công phải tính toán chặt chẽ, hết sức tiết kiệm sức dân, cần tránh và hạn chế động viên nông dân đi phục vụ vào những lúc mùa nông nghiệp chính vụ; các hợp tác xã ở nông thôn phải coi trọng việc tổ chức, củng cố đội dân công trong hợp tác xã để có điều kiện thực hiện tốt nhất nghĩa vụ tập thể của hợp tác xã; các cơ quan, xí nghiệp, trường học... cần sắp xếp công tác, chương trình học tập hợp lý để mọi người trong đơn vị mình làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, mà vẫn bảo đảm sản xuất, công tác học tập.

Các ngành, các cơ quan sử dụng cần quán triệt tinh thần « phải tính toán rất kỹ lưỡng việc tổ chức và sử dụng dân công một cách hợp lý và tiết kiệm nhất nhằm hoàn thành một khối lượng công việc nhất định. Phải lãnh đạo chặt chẽ việc tổ chức lao động và hết sức coi trọng việc cải tiến công cụ lao động để dân công làm việc với năng suất cao nhất, đồng thời phải đặc biệt quan tâm bảo vệ an toàn lao động và tổ chức tốt đời sống tập thể của dân công đã ghi trong điều lệ. Hàng năm, từng quý phải có kế hoạch, trong trường hợp đột xuất cũng phải có sự tính toán chặt chẽ, đề ra yêu cầu huy động dân công hợp lý, tiết kiệm nhất. Phải có chuẩn bị đầy đủ công việc làm; nguyên vật liệu, dụng cụ, nhất là dụng cụ cải tiến, chỗ ở, lương thực... trước khi dân công đến nơi làm việc. Trong khi sử dụng phải hướng dẫn dân công tổ chức lao động hợp lý; cải tiến công cụ để nâng cao năng suất lao động. Phải thi hành đầy đủ mọi chế độ về quyền lợi của dân công mà Nhà nước đã quy định và chăm lo cải thiện đời sống cho dân công. Đặc biệt trong thời chiến phải tổ chức hướng dẫn dân công thi hành những biện pháp phòng không như đào hầm trú ẩn, giao thông hào, v.v... hết sức tránh tai nạn chiến tranh cho dân công.

Để bảo đảm việc sử dụng tốt nhất sức lao động do nhân dân đóng góp bằng nghĩa vụ dân công, các Bộ Quốc phòng, Giao thông vận tải, Thủy lợi, các tỉnh, thành đội, ty giao thông vận tải, thủy lợi địa phương và các công trường, trạm vận chuyển... phải phân công cán bộ chuyên trách để làm những công việc nói trên, và báo cáo đầy đủ số ngày công đã sử dụng, tình hình chấp hành chế độ đối với dân công cho Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố (chi cục thống kê, sở, ty, phòng lao động) nơi dân công làm việc.

Điều 20. — Quy định về khen thưởng và kỷ luật, Bộ nói rõ thêm :

Điều lệ dân công thời chiến là một pháp lệnh của Nhà nước, các cấp, các ngành, mỗi cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, hợp tác xã... và mỗi công dân phải nghiêm chỉnh thi hành. Nhưng điều lệ dân công lại có tính chất quần chúng ; thực hiện điều lệ sẽ liên quan và ảnh hưởng đến tất cả các đối tượng trong xã hội, nên các cấp, các ngành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho cấp dưới, cho công nhân, viên chức, cho xã viên và nhân dân tự nguyện, tự giác chấp hành điều lệ đúng đắn.

Những ngành, cơ quan, cán bộ có nhiều thành tích trong việc huy động và sử dụng dân công và những người có thành tích tốt trong quá trình làm nghĩa vụ dân công, thì tùy theo thành tích mà được xét khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước.

Những ngành, cơ quan, cán bộ phạm khuyết điểm như huy động dân công sai nguyên tắc, sử dụng lãng phí sức lao động của dân công, hoặc do thiếu sót mà gây thiệt hại đến tính mạng dân công, thì tùy theo lỗi nặng hay nhẹ mà bị kỷ luật thích đáng theo sắc lệnh số 76-SL ngày 20-5-1950 ban hành quy chế công chức Việt-nam.

Những người có nghĩa vụ dân công nếu có sai sót thì cần kiên trì giáo dục, thuyết phục, nếu đã qua giáo dục mà vẫn cố tình trốn tránh hoặc có hành động ngăn trở việc thi hành điều lệ dân công, thì tùy theo lỗi nhẹ hay nặng sẽ bị phê bình, cảnh cáo hoặc truy tố trước pháp luật, theo sắc lệnh số 93-SL ngày 22-5-1950 về nghĩa vụ kháng chiến.

Các Bộ, ngành chủ yếu như Bộ Nội thương, Tổng cục Lương thực, Bộ Thủy lợi, Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải, căn cứ vào điều 21 của điều lệ, với trách nhiệm của mình, cần có văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn các địa phương và cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ dân công thời chiến, trước khi ban hành văn bản của Bộ, ngành mình cần trao đổi thống nhất với Bộ Lao động.

Điều 22. — Quy định « Ủy ban hành chính các khu tự trị, các tỉnh có vùng dân tộc ít người, căn cứ vào điều lệ này và những quy định chi tiết của các Bộ, các ngành ở trung ương, sẽ hướng dẫn thực hiện việc huy động và sử dụng dân công cho phù hợp với điều kiện miền núi », Bộ nói rõ thêm :

Theo tinh thần quy định trên thì các khu tự trị, các tỉnh có vùng dân tộc ít người, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về huy động và sử dụng dân công cho phù hợp với phong tục, tập quán của các dân tộc trong địa phương mình, đảm bảo đúng tinh thần của điều lệ và các quy định chi tiết của các ngành ở trung ương.

Chính phủ đặt vấn đề như vậy, cũng là do tình hình thời chiến cần tập trung, thống nhất chế độ, chính sách, đề thông suốt nhanh chóng từ trung ương đến các cấp huyện, xã, đến mọi người dân và cũng do thời chiến việc huy động, sử dụng dân công giữa đồng bằng, trung du, miền núi không thể có sự phân biệt nhiều ; trên một địa bàn, một công việc nhất định sẽ có cả người đồng bằng và miền núi cùng làm... nếu chính sách có chỗ phân biệt, sẽ không có lợi. Hơn nữa các dân tộc ít người đã tiến bộ rất nhiều về mọi mặt ; ý kiến của một số địa phương đề nghị nên thống nhất chính sách ; ở Hòa-bình và nhiều vùng có dân tộc ít người nằm trong các tỉnh đồng bằng, trung du từ trước tới nay vẫn thi hành theo điều lệ chung, khi chi đạo cụ thể có vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh miền núi nên đạt kết quả tốt.

IV. PHỒ BIẾN ĐIỀU LỆ VÀ MỘT SỐ VIỆC CẦN THIẾT TRƯỚC MẮT

I. Tổ chức phồ biến điều lệ.

Điều lệ dân công thời chiến là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm động viên ngày công nghĩa vụ của nhân dân phục vụ các yêu cầu sản xuất và chiến đấu trong giai đoạn cách mạng mới. Để bảo đảm chính sách được chấp hành đầy đủ, cần phồ biến thật sâu rộng, làm cho toàn thể cán bộ, công nhân, nhân viên Nhà nước và nhân dân quán triệt tinh thần điều lệ, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người thấy rõ trách nhiệm của mình, mà tự nguyện tự giác thực hiện chính sách nghiêm chỉnh.

Ủy ban hành chính địa phương triệu tập hội nghị các ngành và Ủy ban hành chính cấp dưới hoặc phái cán bộ về từng khu vực (nếu tình hình đi lại khó khăn như ở những vùng có chiến sự ác liệt) để họp phồ biến điều lệ và các thông tư của Bộ Lao động, Liên bộ hướng dẫn thi hành.

Cần chú trọng phồ biến, giải thích kỹ điều lệ và có kế hoạch thực hiện tốt trong các ngành sử dụng nhiều dân công như quốc phòng, giao

thông, thủy lợi; các Bộ, ngành này có thể tổ chức hội nghị riêng của ngành mình đề phổ biến và hướng dẫn thực hiện. Các cấp như Ủy ban hành chính huyện, xã, hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, công trường, trường học phải tổ chức phổ biến thật chu đáo điều lệ dân công thời chiến.

Trong khi phổ biến chính sách, các cấp, các ngành nhất là cơ sở cần liên hệ kiểm điểm tình hình thực hiện điều lệ dân công và chính sách lao động nghĩa vụ trước đây, làm cho mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi người thấy rõ trách nhiệm của mình, và đề ra kế hoạch, biện pháp khắc phục cụ thể, chấp hành đầy đủ điều lệ dân công thời chiến.

Phổ biến điều lệ, chủ yếu là thông qua hội nghị từ trên xuống dưới thuộc hệ thống chính quyền và hội nghị các ngành, các đoàn thể, có liên quan; kết hợp với các hình thức văn đáp trên đài, trên báo địa phương phát thanh...

2. Những việc cần thiết trước mắt.

Đi đôi với việc phổ biến điều lệ dân công thời chiến, cần tiến hành mấy việc cụ thể dưới đây:

a) Lập sổ danh sách những người có nghĩa vụ dân công thời chiến ở cơ sở, hợp tác xã, thôn (nơi chưa có hợp tác xã), cơ quan, xí nghiệp, trường học... đề nắm chắc được khả năng ngày công, lập kế hoạch phân bổ huy động, Ủy ban hành chính các cấp giao trách nhiệm cho cơ quan thống kê cùng với cơ quan lao động hướng dẫn biểu mẫu và tập hợp số liệu báo cáo lên cấp trên.

b) Ủy ban hành chính các cấp cần kiểm điểm và có kế hoạch cụ thể tổ chức, củng cố đội thủy lợi trong hợp tác xã tốt để thực hiện được nghĩa vụ dân công tập thể đối với Nhà nước (Bộ Thủy lợi có kế hoạch hướng dẫn kèm theo)⁽¹⁾.

c) Các ngành sử dụng nhiều ngày công dân công như quốc phòng, giao thông, thủy lợi và Ủy ban hành chính các tỉnh, các cấp cho đến cơ sở, cơ quan, xí nghiệp, trường học, hợp tác xã... căn cứ vào nhiệm vụ đã được quy định rõ trong điều lệ đề bố trí cán bộ phụ trách công tác dân công, đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với Nhà nước, với nhân dân.

3. Chỉ đạo thực hiện và báo cáo:

a) *Chỉ đạo.* Đề phổ biến và thực hiện tốt điều lệ dân công thời chiến ở mỗi cấp cần có chỉ đạo trọng điểm rút kinh nghiệm lãnh đạo chung. Ở trung ương, Bộ Lao động cùng Bộ Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp sẽ cử cán bộ về theo dõi giúp đỡ một tỉnh; ở mỗi tỉnh, huyện cũng

cần có sự kết hợp các ngành đề liền hành chỉ đạo trọng điểm rút kinh nghiệm hướng dẫn chung. Các Bộ Thủy lợi, Giao thông vận tải, Quốc phòng cần chỉ đạo những công trình trọng điểm về sử dụng tốt ngày công của dân công.

b) *Báo cáo.* Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố cần báo cáo đều đặn tình hình phổ biến và thực hiện điều lệ dân công thời chiến về Bộ Lao động đề Bộ Lao động báo cáo lên Chính phủ.

Trên đây Bộ Lao động giải thích rõ thêm một số điểm cần thiết và nêu lên những biện pháp cần phải làm để bảo đảm thực hiện đúng đắn điều lệ dân công thời chiến của Đảng và Chính phủ. Trong quá trình thực hiện có điểm nào chưa rõ đề nghị các ngành, địa phương phản ánh về Bộ Lao động đề nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 16 tháng 6 năm 1966

K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động

Thư trưởng

BÙI QUỶ

BỘ VĂN HÓA

THÔNG TƯ số 53-VH/TT ngày 23-6-1966 quy định và hướng dẫn thêm về việc ưu đãi thương binh và gia đình liệt sĩ về mặt xem chiếu phim và biểu diễn văn công.

Kính gửi: Ủy ban hành chính các khu thành, tỉnh.

Các Sở, Ty văn hóa,

Vụ nghệ thuật sân khấu và

Vụ âm nhạc và múa,

Quốc doanh phát hành phim

và chiếu bóng Việt-nam,

Ban quản lý tổ chức biểu diễn

Bộ Văn hóa.

Thương binh, liệt sĩ là những người có công với cách mạng. Từ trước đến nay, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách chế độ đối với thương binh và gia đình liệt sĩ. Ngày 22-1-1957 Liên bộ Thương binh — Văn hóa cũng đã có thông tư số 70-TT/LB quy định ưu đãi thương binh và gia đình liệt sĩ về mặt văn hóa và nghệ thuật.

Ngày 17-5-1965 Phủ Thủ tướng lại ra thông tư số 51-TTg/NC về việc tăng cường chấp hành các chính sách chế độ đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

(1) Kế hoạch hướng dẫn của Bộ Thủy lợi không đăng công báo.